TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ S** **TỈNH S**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 30/2018/DS-ST Ngày 26-6-2018 V/v tranh chấp hợp đồng tvay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH S

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Ngọc Cận.

Bà Võ Ngọc Các.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng là thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S tham gia phiên Tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm Sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 227/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2017, về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2018/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Xuân D; địa chỉ: Số 333/28, đường Phú Lợi, khóm 3, phường 2, thành phố S, tỉnh S. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khánh Trang; Địa chỉ: Số 9, đường Phú Lợi, khóm 2, phường 2, thành phố S, tỉnh S. (Có mặt)

Bị đơn:

1. Bà Lý Anh Q. (Có mặt)

2. Ông Trịnh Trí T. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 414/37A, đường Nguyễn Văn Linh, khóm 3, phường 2, thành phố S, tỉnh S.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Lý Nguyên Q; cư trú tại: Số 145/10, đường Lê Hồng Phong, khóm 4, phường 3, thành phố S, tỉnh S. (Vắng mặt)

2. Bà Lý T, cư trú tại: Số 414/21, đường Nguyễn Văn Linh, khóm 2, phường 2, thành phố S, tỉnh S. (Vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2017 của nguyên đơn bà Đặng Xuân D cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 01/5/2017 (Dương lịch) bà D có cho vợ chồng bà Lý Anh Q và ông Trịnh Trí T vay số tiền 70.000.000đ, thời hạn vay 6 tháng, vay không lãi suất. Khi vay tiền người trực tiếp ký hợp đồng và nhận tiền là bà Lý Anh Q.

Nay đã hết thời hạn vay theo thỏa thuận nhưng vợ chồng bà Lý Anh Q và ông Trịnh Trí T vẫn chưa trả cho bà D. Mặc dù, bà D đã nhiều lần liên hệ đòi tiền nhưng vợ chồng bà Lý Anh Q và ông Trịnh Trí T lẫn tránh và không trả.

Nay bà Đặng Xuân D yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Lý Anh Q và ông Trịnh Trí T trả cho bà số tiền vay 70.000.000đ, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn bà Lý Anh Q trình bày:

Trong thời gian năm 2015 đến năm 2016 bà Q có vay tiền của bà D nhiều lần, cụ thể: Lần thứ nhất vào ngày 05/01/2015 âm lịch, bà Q có vay của bà D số tiền 5.000.000đ, với mức lãi suất 15%/tháng; Lần thứ hai vào ngày 10/01/2015 vay số tiền 2.000.000đ, lãi suất 15%/tháng; Lần thứ ba vào ngày 23 âm lịch năm 2016 (không nhớ rõ tháng), vay số tiền 8.000.000đ, lãi suất 15%/tháng; Lần thứ tư vào ngày 22/11/2016 âm lịch, vay số tiền 10.000.000đ, lãi suất 15%/tháng. Tổng cộng bà Q vay của bà D số tiền là 25.000.000đ. Tiền lãi trả hàng tháng. Tất cả các lần vay tiền giữa bà D và bà Q không có làm biên nhận. Sau khi vay tiền thì bà Q có trả lãi cho bà D tổng cộng 90.000.000đ, việc trả lãi không có làm biên nhận. Tuy nhiên theo bà Q thì số tiền lãi trên bà Q trả không đủ theo lãi suất thỏa thuận nên đến ngày 01/5/2017 dương lịch, bà D cộng tiền vốn 25.000.000đ và tiền lãi còn thiếu là 50.000.000đ thành số tiền 70.000.000đ và yêu cầu bà Q ký hợp đồng vay mượn 70.000.000đ (chữ ký, chữ viết trong hợp đồng lập ngày 01/5/2017 dương lịch do bà Q viết và ký tên).

Ngày 01/6/2017 âm lịch, bà D yêu cầu bà Q chơi hai chân hụi, mỗi chân 1.000.000đ, hụi 10 ngày khui một lần. Bà Q hốt hụi đầu tiên vào ngày 01/6/2017 âm lịch được số tiền 48.000.000đ. Số tiền này bà Q không được nhận tiền mặt mà được bà D trừ vào số tiền nợ 70.000.000đ theo biên nhận ngày 01/5/2017 nói trên. Việc chơi hụi không có làm biên nhận nhưng bà D có giao cho bà Q một tờ giấy lịch viết mực màu xanh trong đó có ghi số tiền hụi được hốt là 48.000.000đ. Bà Q

không biết chữ viết trong tờ giấy trên là của ai nên bà Q không yêu cầu giám định chữ viết trong tờ giấy trên.

Theo thỏa thuận bà Q phải đóng hụi chết số tiền 70.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì bà Q có đóng cho bà D số tiền hụi chết là 30.000.000đ (mười ngày đóng 2.000.000đ, đóng từ ngày 01/6/2017 âm lịch đến ngày 15/9/2017 âm lịch), việc đóng hụi không có làm biên nhận.

Hiện nay bà Q cho rằng bà chỉ còn nợ của bà D số tiền vốn vay là 22.000.000 đồng và tiền hụi chết là 40.000.000, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà Q yêu cầu trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 300.000đ cho đến khi dứt số nợ trên.

Đối với số tiền lãi bà Q khai đã trả cho bà D là 90.000.000 đồng, bà Q cho rằng do bà không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh đã trả số tiền trên cho bà D nên bà Q không có yêu cầu Tòa án xem xét.

Phần nợ bà Q mượn của bà D dùng vào mục đích chi tiêu trong gia đình, khi vay bà Q không có trao đổi với chồng là ông Trịnh Trí T nên ông T không biết việc bà Q vay tiền của bà D. Sau khi ký hợp đồng mượn tiền ngày 01/5/2017 thì bà Q mới cho ông T hay. Theo bà Q khoản nợ này là nợ chung của vợ chồng nên bà và ông T cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà D.

Tại biên bản hòa giải ngày 11/01/2018, bị đơn ông Trịnh Trí T trình bày: Ông T biết việc vợ ông là bà Q vay tiền của bà D, lãi suất 15%/tháng, nhưng ông T không biết cụ thể số tiền bao nhiêu. Sau khi ký hợp đồng mượn tiền ngày 01/5/2017 thì bà Q mới cho ông T hay. Tuy nhiên ông T xác định khoản nợ này là nợ chung của vợ chồng nên ông T và bà Q cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà D.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội D vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trịnh Trí T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai và người làm chứng là bà Lý Nguyên Q, bà Lý T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nhưng trước đó đã có lời khai trực tiếp với Tòa án. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Đặng Xuân D yêu cầu vợ chồng bà Lý Anh Q và ông Trịnh Trí T trả số tiền vay là 70.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật để giải quyết vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội D:

Tại hồ sơ và tại phiên tòa bà Lý Anh Q thừa nhận vào ngày 01/5/2017 dương lịch bà Q có làm biên nhận vay của bà Đặng Xuân D số tiền 700.000.000đ nhưng bà Q cho rằng số tiền trên là do trong năm 2015 -2016, bà Q có vay của bà D nhiều lần với số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất 15%/tháng, việc vay tiền không có làm biên nhận. Sau khi vay thì bà Q có trả lãi cho bà D tổng cộng 90.000.000đ, việc trả lãi không có làm biên nhận, sau đó do bà Q không có khả năng trả tiền lãi cho bà D nữa nên vào ngày 01/5/2017 dương lịch, bà D cộng tiền vốn và lãi thành số tiền 70.000.000đ và yêu cầu bà Q viết biên nhận. Sau khi làm biên nhận, đến ngày 01/6/2017 âm lịch bà D yêu cầu bà Q chơi hai chân hụi, mỗi chân 1.000.000đ, hụi 10 ngày khui một lần. Bà Q hốt hụi đầu tiên vào ngày 01/6/2017 âm lịch số tiền 48.000.000đ. Số tiền này bà Q không được nhận tiền mặt mà được bà D trừ vào số tiền nợ 70.000.000đ theo biên nhận 01/5/2017 nói trên. Sau khi hốt hụi bà Q đóng hụi chết cho bà D được số tiền 30.000.000 đồng, việc đóng hụi không có làm biên nhận. Xét thấy trong quá trình Tòa giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa hôm nay bà Q không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh số tiền vay theo biên nhận ngày 01/5/2017 có lãi nhập vốn cũng như việc bà Q hốt hụi của bà D số tiền 48.000.000 đồng và đóng lãi số tiền 90.000.000 đồng, đóng hụi chết số tiền 30.000.000 đồng như bà Q trình bày. Mặt khác, phía nguyên đơn không thừa nhận lời trình bày của bà Q nên việc bà Q cho rằng số tiền 70.000.000đ là do bà D nhập lãi vào vốn và bà Q có hốt hụi của bà D số tiền 48.000.000 đồng, đã đóng lãi số tiền 90.000.000 đồng và đóng hụi chết số tiền 30.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

Theo biên nhận ngày 01/5/2017 dương lịch thì bà Lý Anh Q có vay của bà Đặng Xuân D số tiền 70.000.000đ và trong quá trình giải quyết vụ án bà Q cũng thừa nhận việc bà Q có viết biên nhận vay của bà D số tiền trên, như vậy trên thực tế giữa bà D với bà Q có giao kết hợp đồng vay tài sản. Các bên tiến hành giao kết hợp đồng vay tài sản trên nguyên tắc tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, do đó hợp đồng trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Xét thấy, bà Q có vay của bà D số tiền 70.000.000đ nhưng sau khi vay bà Q chưa trả cho bà D số tiền nào cả. Như vậy bà Q đã vi phạm nghĩa vụ trả

tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ Luật Dân sự. Vì vậy, việc bà D yêu cầu bà Q trả cho bà số tiền vốn vay 70.000.000đ là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo biên nhận ngày 01/5/2017 dương lịch do bà Q là người trực tiếp ký tên và mượn tiền, ông T không có tham gia, tuy nhiên ông T và bà Q thừa khoản nợ này là nợ chung của vợ chồng nên ông T và bà Q cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà D. Do đó việc bà D yêu cầu bà Q và ông T cùng có trách nhiệm trả cho bà D số tiền 70.000.000 đồng là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất: Do bà D không yêu cầu bà Q và ông T trả lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với số tiền bà Q cho rằng bà đã trả cho bà D tiền lãi là 90.000.000đ, tại Tòa người đại diện theo ủy quyền của bà D không thừa nhận và bà Q cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh là đã trả cho bà D số tiền trên, mặt khác bà Q cũng không yêu cầu xem xét lại số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm bà Q và ông T phải chịu số tiền 3.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Buộc bà Lý Anh Q và ông Trịnh Trí T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đặng Xuân D số tiền vốn vay là 70.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Đặng Xuân D có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Lý Anh Q và ông Trịnh Trí T còn phải trả lãi cho bà D theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền chậm thi hành án.

[2]. Án phí sơ thẩm: Bà Lý Anh Q và ông Trịnh Trí T phải chịu số tiền 3.500.000đ.

Hoàn trả cho bà Đặng Xuân D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.750.000 đồng theo biên lai thu số 0008600 ngày 04/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

[3]. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ

ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh S xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- Thi hành án DS - TPST;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Uyên